TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Nguyễn Văn Đông

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà V, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông C, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà V trình bày:

Bà kết hôn với ông C vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 9, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do ông C thường xuyên uống rượu, đánh bà. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà V khẳng định tình

cảm vợ chồng giữa bà và ông C không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông C có mặt tại phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà V.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là bà V đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông C không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà V. Về hôn nhân: Cho bà V được ly hônông C. Về án phí: Bà V là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí Toà án nên đề nghị miễn nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm cho bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là bà V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông C có nơi cư trú tại thôn 9, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để ông C có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà V nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú và vẫn đang thường xuyên sinh sống tại thôn 9, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông C có mặt tại phiên toà trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà V nhưng ông C vắng mặt tại phiên toà không có lý

do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là bà V và bị đơn là ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 10 năm 2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng bà V và ông C chung sống hoà thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà V trình bày do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và do ông C thường xuyên uống rượu đánh bà. Nay bà V khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C. Bị đơn là ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông C có mặt tại phiên toà trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà V nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà V. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình vợ chồng bà V và ông C chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh C thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Vợ chồng bà V và ông C đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2023 đến nay. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa bà V và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên hòa giải và phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà V. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V về việc xin ly hôn ông C, cho bà V được ly hôn ông C.

[3] Về con chung: Bà V và ông C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà V trình bày vợ chồng không có tài sản chung, ông C không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà V là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí Tòa án nên miễn nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm cho bà V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của

Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Cho bà V được ly hôn ông C.

2. Về án phí: Bà V được miễn nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền